

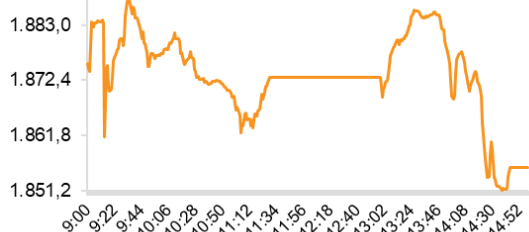
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

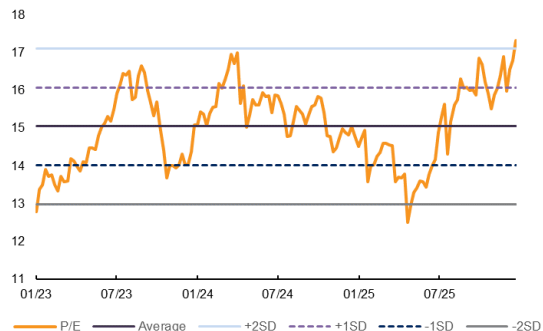
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.855,6	249,1	121,6
1 ngày (%)	-0,3	-0,1	0,5
1 tháng (%)	5,8	-3,7	1,4
Từ 2026	4,0	0,1	0,5
1 Năm (%)	48,3	12,3	30,0
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.638	398	652
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	1,5	1,4	0,6
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

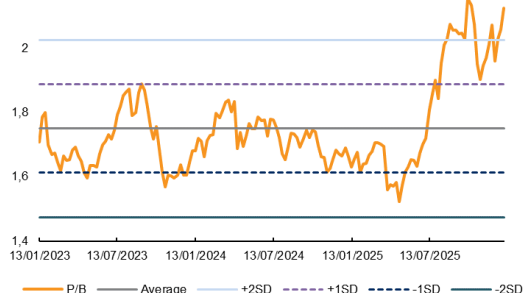
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Ngân hàng bất phá nhưng chưa đủ để VN-index giữ lại sắc xanh

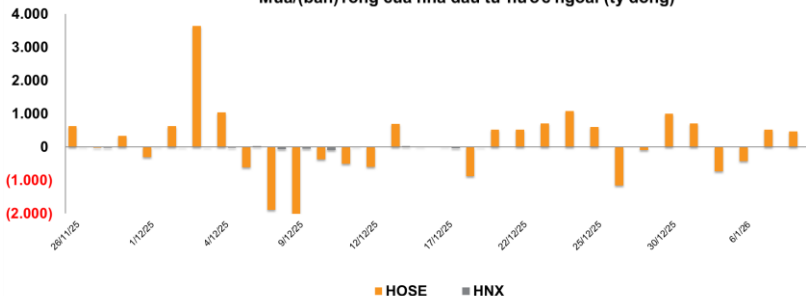
Phiên giao dịch ngày 08/01/2026, thị trường ghi nhận diễn biến phân hóa khi chỉ số chung giảm điểm do nhóm cổ phiếu Vingroup điều chỉnh trong khi nhiều nhóm ngành vẫn duy trì sắc xanh. Kết thúc phiên, VN Index đóng cửa tại 1.855,56 điểm, giảm 6,02 điểm (-0,32%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 144 cổ phiếu tăng và 183 cổ phiếu giảm, diễn biến cho thấy tâm lý nhà đầu tư có phần thận trọng và có áp lực chốt lời ở một số mã vốn hóa lớn trong suốt phiên giao dịch.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.074,03 điểm, giảm 22,73 điểm (-1,08%). Trong rổ VN30, số cổ phiếu tăng (12 mã) có phần yếu thế hơn so với cổ phiếu giảm (16 mã), phản ánh mức độ phân hóa rõ rệt trong nhóm vốn hóa lớn. Dòng tiền có xu hướng phân bổ luân phiên giữa các nhóm ngành; những nhóm ghi nhận sắc xanh gồm Dầu khí (+2,10%), Ngân hàng (+1,88%) và Dịch vụ tiện ích (+1,76%) trong khi Bất động sản (-2,76%), Dịch vụ bán lẻ (-2,08%) chịu áp lực điều chỉnh. Diễn biến cho thấy dòng tiền tập trung vào các nhóm vốn hóa lớn và có thông tin hỗ trợ ngắn hạn, trong khi nhiều cổ phiếu vẫn phân hóa.

Thanh khoản trên sàn HoSE đạt 32.118 tỷ đồng, tăng 21,91% so với phiên trước và cao hơn mức bình quân 20 phiên gần nhất. Thị trường ghi nhận một phiên có thanh khoản cải thiện rõ rệt nhưng diễn biến giá phân hóa, đặc biệt ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và một số ngành. Đáng chú ý, nhóm Vingroup, vốn là động lực thúc đẩy thị trường trong các phiên gần đây đã có phiên điều chỉnh. Tuy nhiên dòng tiền có dấu hiệu dịch chuyển sang các nhóm ngành có tính chất trụ đỡ, trong đó nhóm ngân hàng đã thể hiện vai trò trụ đỡ rất tích cực khi lực cầu mạnh giúp hấp thụ áp lực bán và góp phần hạn chế đà giảm của chỉ số. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc việc chốt lời từng phần hoặc tái cơ cấu danh mục, đồng thời duy trì kỷ luật giải ngân và quản trị rủi ro. Cụ thể, đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) phân bổ giải ngân theo 2-4 ngưỡng giá nhằm giảm thiểu rủi ro thời điểm và ưu tiên giải ngân từng phần khi thị trường điều chỉnh; và 2) tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng lợi nhuận rõ ràng hoặc thuộc các ngành đang trong chu kỳ phục hồi. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) chủ động rà soát và tái cơ cấu danh mục, và 2) xác định trước các ngưỡng chốt lời từng phần và kiểm soát rủi ro đối với các vị thế lớn, đồng thời điều chỉnh quy mô vị thế khi mức độ biến động gia tăng.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,7	185,6	4,2	-3,7	-3,2	0,0	30,3	152,1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,2	26,9	3,0	0,6	-2,1	0,5	12,7	16,4
Năng lượng	2,0	32,6	1,6	2,2	20,0	14,9	12,4	24,9
Tài chính	37,9	11,7	1,9	1,9	5,7	4,4	32,9	57,1
Chăm sóc sức khỏe	0,5	23,3	2,7	0,1	1,6	-0,5	5,8	108,1
Công nghiệp	7,6	41,3	5,2	-1,4	-3,6	-1,0	120,7	43,1
Công nghệ thông tin	2,1	18,2	4,4	-1,1	0,8	1,0	-22,8	-42,5
Vật liệu xây dựng	5,4	15,7	1,7	0,1	0,7	3,9	10,4	8,4
Bất động sản	27,6	100,5	6,4	-2,8	15,0	5,7	514,6	13,3
Dịch vụ tiện ích	4,2	18,5	2,7	2,6	26,5	17,8	30,5	48,9

Mua/(bán) ròng của nhà đầu tư nước ngoài (tỷ đồng)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Eurozone: Lạm phát CPI toàn khu vực Eurozone giảm xuống 2,0% svck trong tháng 12/2025, từ mức 2,1% của tháng 11, là mức thấp nhất kể từ tháng 8/2025 và tương ứng mục tiêu trung hạn của ECB. Lạm phát lõi HICP giảm xuống 2,3% svck.
- Trung Quốc: PBoC phát tín hiệu xem xét cắt giảm lãi suất và tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) trong năm 2026, cho thấy định hướng nới lỏng chính sách rõ ràng hơn.
- Trung Quốc: Trung Quốc cấm xuất khẩu hàng hóa lưỡng dụng (dual-use) nếu có khả năng phục vụ mục đích quân sự. Nhật Bản cảnh báo khả năng hạn chế xuất khẩu đất hiếm.
- Trung Quốc: Dự trữ ngoại hối tăng USD 11,5 tỷ, đạt USD 3.358 nghìn tỷ vào cuối tháng 12/2025, tháng tăng thứ sáu liên tiếp và cao nhất kể từ 2015. PBoC mua ròng vàng tháng thứ 14 liên tiếp, tăng 30.000 ounce trong tháng 12, nâng tổng dự trữ lên 74,15 triệu ounce; lũy kế từ 11/2024 tăng khoảng 1,35 triệu ounce (~42 tấn).
- Nhật Bản: Thống đốc BoJ Kazuo Ueda cho biết BoJ sẽ tiếp tục nâng lãi suất nếu lạm phát và tăng trưởng tiền lương phù hợp kỳ vọng. Lãi suất hiện ở 0,75%, mức cao nhất gần 30 năm. BoJ đánh giá lạm phát duy trì trên mục tiêu 2%; định hướng chính sách sẽ được làm rõ tại cuộc họp tháng 1/2026..

Tin vĩ mô trong nước

- Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 79-NQ/TW (06/01/2026) về phát triển kinh tế nhà nước, khẳng định vai trò chủ đạo của khu vực này trong ổn định vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn và an ninh kinh tế. Giai đoạn 2026–2030, mục tiêu duy trì huy động ngân sách ~18% GDP, bội chi ~5% GDP, nợ công ≤60% GDP và dự trữ quốc gia ≥1% GDP.
- Theo One Mount Group, Q4/25 ghi nhận hơn 30.000 căn hộ mở bán tại Hà Nội và TP.HCM, mức cao nhất trong 3 năm. Hà Nội đạt khoảng 15.500 căn (+85% sv cùng quý; +26% svck), với 14 dự án mới—cao nhất theo quý. TP.HCM đạt khoảng 14.500 căn (+130% sv cùng quý; gấp 2,7 lần svck).

Tin ngành và doanh nghiệp

- **STB – Sacombank: Tăng mạnh dự phòng, củng cố nền tảng an toàn năm 2025:** STB công bố kết quả kinh doanh năm 2025 với định hướng chủ động tăng cường trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nhằm củng cố nền tảng an toàn tài chính và nâng cao chất lượng tài sản. Theo thông tin công bố, đến cuối năm 2025 tổng tài sản của Sacombank đạt gần 918 nghìn tỷ đồng (khoảng 34,9 tỷ USD). Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 7.628 tỷ đồng (khoảng 290 triệu USD). Đáng chú ý, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng vượt 11.300 tỷ đồng (khoảng 429 triệu USD), cho thấy ngân hàng ưu tiên “đệm an toàn” và xử lý rủi ro theo hướng thận trọng.
- **ABB – ABBANK được UBCKNN chấp thuận chào bán cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn thêm 3.105 tỷ đồng:** Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK, mã: ABB) đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, qua đó dự kiến tăng vốn điều lệ thêm 3.105.110.280.000 đồng (tương đương tăng khoảng 30% vốn hiện tại). Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ ABBANK dự kiến đạt 13.455.477.900.000 đồng.
- **DBC – đặt mục tiêu mỗi ngày lãi 3 tỷ đồng:** Theo đó, năm 2026, Dabaco đặt mục tiêu tổng doanh thu (bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) đạt 29.311 tỷ đồng, tăng 2% so với kế hoạch năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.261 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.117 tỷ đồng, tăng lần lượt 13% và 11% so với kế hoạch năm trước. Như vậy, “ông trùm” chăn nuôi miền Bắc đặt mục tiêu mỗi ngày lãi hơn 3 tỷ đồng.
- **SRC – Cao su Sao Vàng được chuyển hơn 6,2ha 'đất vàng' Nguyễn Trãi làm tổ hợp nhà ở – thương mại:** Theo quyết định, khu đất được chuyển mục đích bao gồm hơn 62.389m² đất và 45,5m² đất ở do Công ty Cao su Sao Vàng đang quản lý, sử dụng hợp pháp. Dự án được triển khai theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư số 4719/QĐ-UBND ban hành tháng 9/2025.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Chỉ số USD giữ ổn định quanh mức 98,7 vào ngày thứ năm sau khi tăng hai phiên liên tiếp trước dữ liệu trái chiều của kinh tế Mỹ. Số vị trí tuyển dụng trong tháng mười một giảm mạnh hơn dự báo, cho thấy nhu cầu lao động đang hạ nhiệt, trong khi tăng trưởng việc làm khu vực tư nhân trong tháng mười hai phục hồi nhưng thấp hơn kỳ vọng. Trong khi đó, dữ liệu ISM cho thấy hoạt động của khu vực dịch vụ bất ngờ cải thiện trong tháng trước. Thị trường hiện tập trung vào số đơn xin trợ cấp thất nghiệp hàng tuần sẽ được công bố ngày thứ năm và báo cáo việc làm tháng mười hai vào ngày thứ sáu để có thêm thông tin về tình hình thị trường lao động.
- Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng có xu hướng giảm trong những ngày gần đây, giao dịch tại mức 26,270, tương ứng giảm 30 đồng so với hồi đầu năm.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,47	4,3	8,2	6,6	50,7
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	3,65	-22,0	-51,0	121,2	-7,6
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,02	-6,7	-18,4	-27,0	29,5
USD/VND	26.267	0,0	0,4	0,1	-3,4
DXY	98,79	0,1	-0,3	0,5	-9,4
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,15	0,1	-0,3	-0,3	-11,4
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,52	-0,1	-2,4	-0,5	-19,1

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.437,20	-0,6	6,0	2,2	66,0
Xăng Ron 95 (USD/l) 1 th	56,28	0,5	-4,4	-2,0	-23,2
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	60,26	0,5	-3,6	-1,0	-20,9
Thép (USD/tấn)	466,1	0,1	1,5	0,1	-7,5
Thịt heo (USD/kg)	1,8	0,3	10,8	0,2	-20,6
Gạo (USD/tấn)	458,6	0,4	1,3	5,4	-27,0
Phân urea (USD/tấn)	355,0	3,6	-2,2	3,6	11,8

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 05/01/2026	Mỹ	Chỉ số PMI Sản xuất tháng 12.2025
Thứ Ba 06/01/2026	Việt Nam	Số liệu vĩ mô tháng 12 và Q4.2025
Thứ Tư 07/01/2026	Mỹ	Chỉ số PMI Phi sản xuất tháng 12.2025
Thứ Sáu 09/01/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 12.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.215	2,1	3.364	52.900	73.300	39,6%	1,0%	17,8	2,8	17%
AST	130	0,0	5	76.000	85.400	15,7%	3,3%	15,1	5,3	38%
HVN	3.145	1,3	668	26.550	43.400	65,8%	2,3%	8,9	14,8	
VJC	4.186	16,7	942	203.000	113.600	-43,5%	0,5%	69,9	4,9	8%
Bán lẻ										
BAF	431	3,0	200	37.250	37.200	-0,1%		20,2	2,6	13%
DGW	347	2,8	94	41.200	49.600	21,6%	1,2%	17,1	2,8	17%
FRT	947	3,2	156	146.000	150.300	3,2%	0,2%	40,3	8,1	25%
MCH	8.710	3,9	3.002	216.500	147.000	-30,9%	1,2%	32,7	14,3	44%
MWG	4.925	22,2	98	87.500	96.300	11,2%	1,1%	22,1	4,1	20%
PNJ	1.351	2,3	0	104.000	109.900	6,6%	1,0%	15,6	2,9	21%
QNS	652	0,2	266	46.600	53.400	16,7%	2,1%	7,6	1,4	20%
SAB	2.358	2,4	977	48.300	59.900	28,2%	4,1%	14,7	2,7	18%
VHC	488	2,2	394	57.100	71.300	28,4%	3,5%	8,2	1,3	17%
VNM	4.949	10,5	2.443	62.200	74.800	24,8%	4,6%	16,8	3,8	24%
Tài chính										
ACB	4.801	10,2	66	24.550	31.300	31,0%	3,5%	7,3	1,4	20%
BID	11.508	5,0	1.479	43.050	47.200	10,7%	1,0%	11,4	1,9	18%
CTG	11.295	17,1	486	38.200	49.000	29,1%	0,8%	8,9	1,8	22%
HDB	5.488	22,4	198	28.800	34.900	23,4%	2,2%	9,0	2,0	25%
LPB	4.777	4,4	198	42.000	33.400	-14,5%	6,0%	12,1	2,9	25%
MBB	8.157	26,9	159	26.600	32.900	25,6%	1,9%	8,8	1,7	21%
STB	3.840	19,9	568	53.500	45.700	-13,4%	1,2%	8,2	1,6	22%
TCB	9.712	18,7	0	36.000	40.300	14,7%	2,8%	11,6	1,6	14%
TPB	1.864	7,7	94	17.650	17.800	6,2%	5,4%	7,5	1,2	17%
VCB	20.263	9,8	1.796	63.700	69.300	9,5%	0,7%	15,2	2,4	17%
VIB	2.333	4,5	0	18.000	23.600	34,5%	3,4%	8,1	1,4	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.835	25,4	476	29.250	37.100	28,5%	1,7%	11,2	1,5	14%
Dệt may										
MSH	142	0,5	63	33.050	40.600	34,9%	12,1%	6,4	1,7	28%
TCM	113	1,4	2	26.500	29.800	14,3%	1,9%	11,5	1,2	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.687	0,7	855	68.200	68.600	2,1%	1,5%	19,3	3,3	18%
GMD	1.023	4,1	76	63.000	72.000	17,5%	3,2%	20,6	2,1	12%
HAH	370	4,8	85	57.600	55.400	-2,5%	1,3%	8,3	2,3	31%
VSC	294	8,1	139	20.600	19.100	-4,9%	2,4%	17,0	1,4	9%
IDC	548	3,2	206	37.900	45.600	24,3%	4,0%	7,8	2,2	31%
KBC	1.276	5,9	493	35.600	30.000	-14,7%	1,1%	19,0	1,4	7%
PHR	301	0,6	106	58.400	68.400	19,4%	2,3%	11,8	2,0	17%
VTP	464	2,9	206	100.100	129.200	30,2%	1,1%	41,3	7,0	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	908	11,4	387	62.800	128.300	109,1%	4,8%	8,1	1,5	20%
HPG	7.714	35,9	2.246	26.400	30.000	14,7%	1,1%	14,1	1,6	12%
Dầu khí										
BSR	3.546	6,5	1.704	18.600	16.700	-7,9%	2,3%	45,0	1,6	4%
GAS	8.415	3,4	3.950	91.600	78.400	-12,2%	2,2%	18,3	3,4	20%
OIL	469	0,5	28	11.900	14.800	26,5%	2,1%	37,7	1,2	3%
PLX	2.007	3,2	101	41.500	47.700	17,8%	2,9%	21,2	2,1	10%
PVD	643	8,2	245	30.400	32.600	15,5%	8,2%	18,8	1,0	6%
PVS	724	6,8	253	37.200	41.800	14,1%	1,8%	13,1	1,3	11%
PVT	371	2,4	146	20.750	23.400	13,9%	1,1%	9,9	1,2	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	608	3,3	282	23.500	23.300	2,8%	3,7%	20,6	1,4	7%
DCM	698	2,7	317	34.650	40.000	21,2%	5,8%	10,6	1,7	17%
DDV	149	1,3	69	26.800	39.700	51,5%	3,4%	23,3	2,2	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	80	0,2	38	26.000	34.100	33,1%	1,9%	17,6	1,6	9%
Điện										
POW	1.635	4,5	737	14.000	14.400	4,0%	1,2%	20,8	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	370	3,5	110	26.300	37.400	43,8%	1,6%	28,0	1,5	5%
PC1	383	2,7	143	24.450	26.500			20,1	1,7	9%
REE	1.272	0,9	0	61.700	76.600	25,6%	1,4%	12,9	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	699	13,1	169	16.500	18.300	23,0%	12,1%	40,4	1,3	3%
KDH	1.303	8,1	282	30.500	41.800	38,0%	1,0%	38,2	1,9	5%
NLG	573	3,5	34	31.000	42.200	37,6%	1,5%	16,1	1,3	9%
VHM	21.751	28,9	8.972	139.100	93.600			21,9	2,6	13%
VRE	3.106	17,0	1.083	35.900	32.000	-7,9%	2,9%	16,7	1,8	11%
Công nghệ										
FPT	6.258	29,1	618	96.500	118.200	23,5%	1,0%	18,3	4,6	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA